

Số 70/2026/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 15 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 100/2026/TLST- HNGĐ ngày 10/4/2026 về Xin ly hôn giữa:

- **Nguyên đơn:** chị Tráng Thị Sao M, sinh ngày: 06/02/1999;

Địa chỉ: thôn A X, xã Y, tỉnh Ninh Bình;

Căn cước công dân số: 0141990028xx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 18/11/2024.

- **Bị đơn:** anh Lương Trung K, sinh ngày 28/8/2000; địa chỉ: thôn A X, xã Y, tỉnh Ninh Bình;

Căn cước công dân số 0372000078xx do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 03/9/2025.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tráng Thị Sao M và anh Lương Trung K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: chị Tráng Thị Sao M và anh Lương Trung K thỏa thuận thuận tình ly hôn.

Về con chung: chị Tráng Thị Sao M và anh Lương Trung K đều xác định vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị Tráng Thị Sao M và anh Lương Trung K đều không đề nghị Tòa giải quyết.

Về án phí: chị Tráng Thị Sao M tự nguyện nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn là 150.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E số 0001435 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Chị M được hoàn trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1).
- VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).
- THADS tỉnh Ninh Bình. (1).
- UBND xã Y;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy